



GT-350E-2

Sức nâng: 35,000 kg ở 3.0 m

Cần chính 4 đoạn: 10.6 m - 34.0 m

Cần phụ 2 đoạn: 8.8 / 15.2 m

Chiều cao nâng móc tối đa:

34.0 m (cần chính)

49.2 m (cần phụ)

Bán kính tải tối đa:

30.0 m (cần chính)

35.5 m (cần phụ)

Sức kéo của cáp tời: 3,190 kgf

Hình ảnh chỉ mang tính minh họa.

TỔNG ĐẠI LÝ CHÍNH THỨC TẠI VIỆT NAM



Công ty CP Tổng Công Ty Vinh Phú

Số 990 - Xa lộ Hà Nội - P. Bình Đa - Biên Hòa - Đồng Nai

ĐT: 02513 831 615 - Fax: 02513 836 836

Email: vinhphu@vitrac.vn - Website: www.vitrac.vn

Văn phòng, Kho hàng tại Hà Nội

Lô 1 - KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội

ĐT: 02435 562 277 - Fax: 02435 561 212

Email: vinhphuhanoi@vitrac.vn

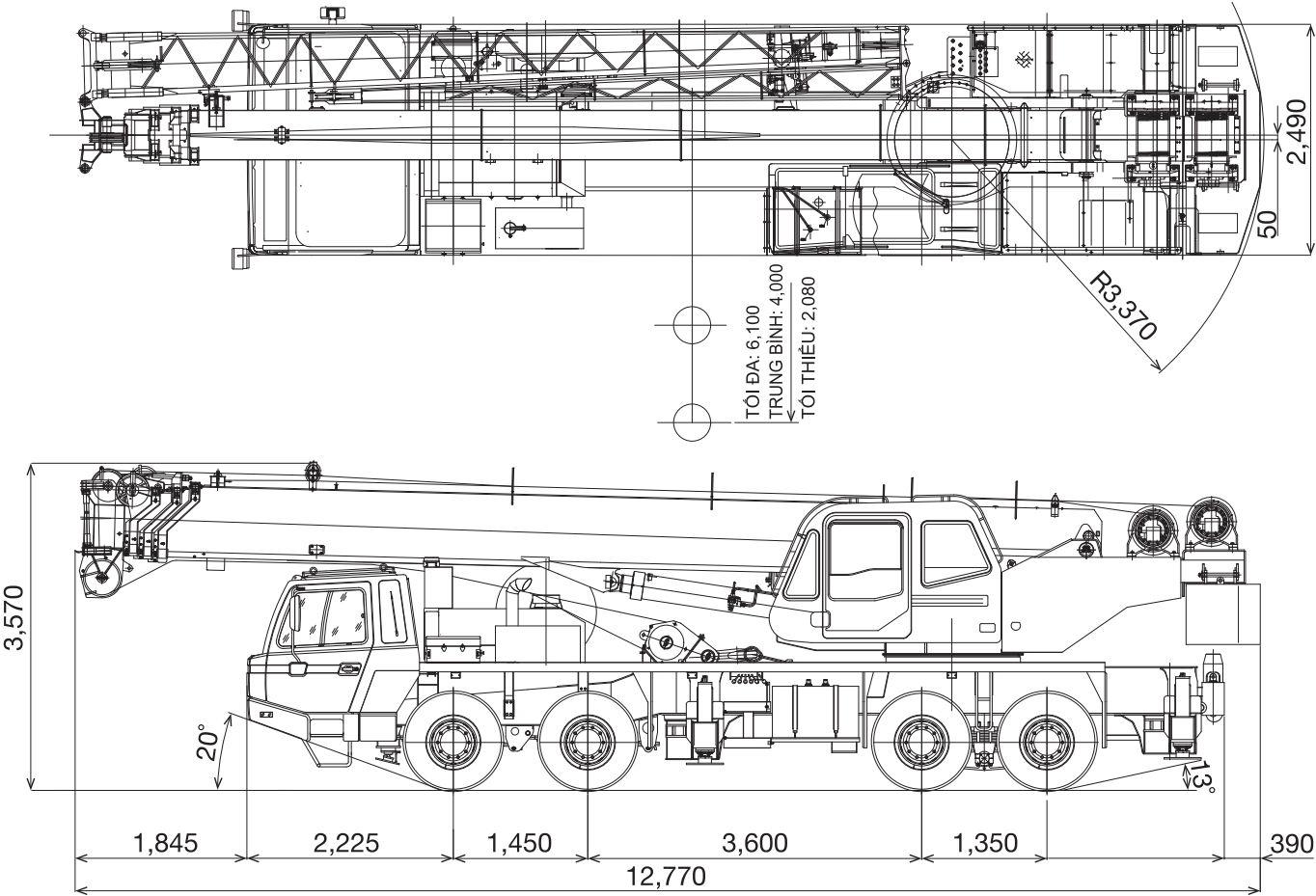
*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

MODEL	GT-350E-2
SỨC NANG TỐI ĐA	35,000kg ở 3.0m
TỐC ĐỘ DI CHUYỂN (TỐI ĐA)	74 km/h
KHẢ NĂNG VƯỢT ĐÓC (TAN θ)	46%
KHỐI LƯỢNG: tổng khối lượng xe -Trục trước -Trục sau	33,800 kg 11,950 kg 21,850 kg
BÁN KÍNH QUAY TỐI THIỂU	11,0 m (tại tâm của lớp vỏ ngoài cùng)
CẦN CHÍNH Chiều dài khi thu lại hoàn toàn Chiều dài khi đẩy hoàn toàn Tốc độ khi đẩy cần Tốc độ khi nâng cần	Cần chính được đẩy hoàn toàn 4 đoạn hộp 6 cạnh có góc lượn. 10,6m 34,0m 23,4m trong 127s -2° đến 80° trong 62s
CẦN PHỤ Chiều dài	2 đoạn lắp đặt bằng cách quay quanh cần chính. Loại 3 góc lắp đặt (5°/25°/45°). Ròng rọc đơn gần trên đỉnh cần phụ. Thu cất dọc theo đoạn gốc cần chính. 8,8 m và 15,2 m
TỜI CHÍNH Lực kéo cáp đơn Vận tốc cuốn cáp Dây cáp	Loại có thể thay đổi được tốc độ với tang tời có rãnh được dẫn động bằng mô tơ thủy lực dạng piston hướng trục và bộ giảm tốc. 31,2 kN {3,190 kgf} 118 m/phút. (ở lớp thứ 4) Loại chống xoắn 16.0mm x 190m
TỜI PHỤ Lực kéo cáp đơn Vận tốc cuốn cáp Dây cáp	Loại có thể thay đổi được tốc độ với tang tời có rãnh được dẫn động bằng mô tơ thủy lực dạng piston hướng trục và bộ giảm tốc. 34,3 kN {3,500 kgf} 102 m/phút. (ở lớp thứ 2) Loại chống xoắn 16.0mm x 110m
QUAY TOA Tốc độ Bán kính xoay đuôi toa	2,5 vòng/phút 3,370mm
HỆ THỐNG THỦY LỰC	Bơm4 bơm bánh răng được dẫn động bởi xe nền thông qua hệ thống P.T.O. Van điều khiển.... Van tổ hợp tác động bằng áp suất điều khiển kết hợp với van giảm áp. Mạch. Được trang bị bộ làm mát dầu bằng quạt gió. Áp suất dầu mạch chính hiển thị trên màn hình AML. Dung tích thùng dầu thủy lực xấp xỉ 527 lít Phin lọcPhin lọc đường dầu hồi về

Thiết bị tự động bảo vệ quá tải của TADANO (Model: AML-C)	Một bộ xử lí trên cabin phát ra tín hiệu cảnh báo nghe nhìn khi có quá tải. Tất cả chuyển động của xe đều bị ngắt tự động trước khi xảy ra quá tải. Với chức năng hạn chế khả năng làm việc (bán kính tải và/hoặc góc nghiêng cần và/hoặc chiều cao đỉnh cần và/hoặc góc quay toa). 9 chức năng sau đây được hiển thị . •Mô-men tải dạng phần trăm hoặc áp suất dầu mạch chính •Góc nghiêng cần chính hoặc mô-men % •Chiều dài cần chính hoặc chiều cao nâng móc tối đa (có thể) •Bán kính tải thực tế hoặc góc quay toa •Tải thực tế trên móc •Tải cho phép •Góc lắp cần phụ hoặc số đường dây cáp trên mỏ móc •Chỉ báo vị trí cần chính •Chỉ báo vị trí chân chống
CHÂN CHỐNG Các tầm rộng chân chống được đẩy ra	4 chân chống chữ H được vận hành bằng thủy lực. Được trang bị cảm biến bề rộng đẩy ra cho mỗi chân chống. Hoàn toàn6,100mm Trung bình... 4,000mm Tối thiểu...2,080mm Đường kính chân đế ... 400mm
CHÂN TRƯỚC	Chân chống trước được lắp trên phần trước của khung xe nền cho phép khả năng nâng tải ở 360° Đường kính chân đế260 mm
XE NỀN	Công ty TNHH công nghiệp nặng Jing Cheng, BCW5361JQZ
ĐỘNG CƠ	Model . ISLE+325 Loại..... Động cơ diesel 4 thì, tuộc-bô tăng áp, 6 xi-lanh thẳng hàng, phun trực tiếp, làm mát bằng nước. Dung tích xi lanh.....8,9 lít Công suất ra tối đa... 239 kW ở 2,100 vòng/phút Momen xoắn tối đa.. 1425 N-m ở 1,200-1,400 vòng/phút
HỘP SỐ	9 tốc độ tiến và 1 tốc độ lùi
HỆ THỐNG TREO	Lò xo lá (trước và sau)
LỚP XE	Trước...11.00R20, lốp đơn x 4 Sau...11.00R20, lốp đôi x 4 Dự phòng...11.00R20, lốp đơn x1

KÍCH THƯỚC XE



GT-350E-2

BẢNG BIỂU ĐỒ TẢI

Đặc tính kỹ thuật số: GT - 350E-2-B0102

CẦN CHÍNH

Đơn vị: kg

Chân chống đẩy ra hoàn toàn tầm rộng 6.1m				
Bán kính tải (m)	10.6 m Cần chính	18.4 m Cần chính	26.2 m Cần chính	34.0 m Cần chính
3.0	35,000	19,000		
3.5	33,000	19,000		
4.0	28,200	19,000	14,000	
4.5	25,000	19,000	14,000	
5.0	22,500	19,000	14,000	
5.5	20,000	19,000	14,000	
6.0	18,000	17,600	14,000	9,000
6.5	16,000	16,000	14,000	9,000
7.0	15,000	14,700	13,100	9,000
8.0	12,500	12,400	11,500	9,000
9.0	9,700	10,100	10,000	8,200
10.0		8,300	8,800	7,500
12.0		5,800	6,600	6,400
14.0		4,000	4,800	5,200
16.0		2,800	3,600	4,000
18.0			2,700	3,100
20.0			2,000	2,400
22.0			1,500	1,800
24.0			1,100	1,400
26.0				1,000
28.0				700
30.0				500

CẦN PHỤ

Đơn vị: kg

Chân chống đẩy ra hoàn toàn tầm rộng 6.1m						
Góc nghiêng cần	34.0 m cần chính					
	8.8 m Cần phụ			15.2 m Cần phụ		
	5°	25°	45°	5°	25°	45°
80°	3,500	2,500	1,400	2,300	1,150	750
75°	3,500	2,330	1,380	2,100	1,040	670
72°	3,500	2,250	1,350	1,950	1,000	630
70°	3,300	2,100	1,320	1,750	950	610
65°	2,700	2,000	1,250	1,440	880	560
60°	1,870	1,690	1,150	1,220	830	520
55°	1,230	1,130	1,080	820	700	490
50°	770	710	710	450	380	350
45°	400	400	400	-	-	-